

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-10-2017  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
giữa chị B và anh L

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Sua

Ông Nguyễn Văn Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thúy Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trương Thị Ngọc B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số A, khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

***- Bị đơn:*** Anh Bùi Văn L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị chị B có mặt, anh L vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc B trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh vào năm 2005. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2004 do anh L đi làm quen với người phụ nữ khác. Đến năm 2016 anh công khai dẫn về gia đình chồng giới thiệu. Chị và anh L ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh A, sinh ngày 16/3/2014. Hiện con đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

*Anh Bùi Văn L không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.*

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B đối với anh L; giao cháu Bùi Ngọc Minh A cho chị B trông nom,

chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc B vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh L không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị B Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh vào năm 2005 nên hôn nhân giữa chị B và anh L là hợp pháp.

Nguyên nhân chị B yêu cầu ly hôn là do anh L có người phụ nữ khác bên ngoài, không tiếp tục chung sống với chị. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay không có khả năng hàn gắn tình cảm. Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh L không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị B yêu cầu ly hôn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh L có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh, xem như anh L không muốn nới kéo quan hệ hôn nhân với chị B, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ.

Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

Về con chung: cháu Bùi Ngọc Minh A, sinh ngày 16/3/2014 hiện đang sống với chị B. Chị có nguyện vọng được nuôi con nên xét thấy cần giao cháu Minh A cho chị B trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh L không cấp dưỡng nuôi con vì chị B không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị B xác định vợ chồng không nợ ai nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Trương Thị Ngọc B đối với anh Bùi Văn L.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Ngọc B và anh Bùi Văn L.

Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Ngọc Minh A, sinh ngày 16/3/2014 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, chi trình bày nợ chung không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018012 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bình**

